

Bản án số:05/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09/02/2018

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vinh

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Quang

2. Bà Lê Thị Hồng Vinh

- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Phương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên toà: Ông Lê Huy Lệ - Kiểm sát viên

Trong ngày ngày 09/02/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 150/2017/TLST-HNGĐ ngày 22/11/2017 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/01/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mẫn Thị T - Sinh năm 1987 - Có mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Công B - Sinh năm 1988 - Xin xét xử vắng mặt

Cùng ĐKNKTT: Thôn T, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn - Chị T trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Công B vào tháng 5/2006 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn. Vì khi kết hôn, anh B chưa đủ tuổi đăng ký. Vợ chồng chung sống cùng nhau được khoảng 01 năm thì anh B phạm tội “Giết người”. Anh B bị TAND thành phố H xét xử và tuyên phạt tù chung thân. Bản án có hiệu lực pháp luật, anh B đi chấp hành án tại Trại giam T, tỉnh Nghệ An. Tính từ ngày anh B bị bắt, bị xét xử và chấp hành án đến nay vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm đã hơn 10 năm. Anh B vẫn còn phải tiếp tục chấp hành án, nên chị không thể chịu đựng được nữa, tình cảm của chị với anh B không còn. Chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Công N, sinh ngày 10/11/2006. Hiện con đang ở với chị, ly hôn, chị xin tiếp tục nuôi con, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn - Anh B trình bày: Anh thừa nhận lời khai của anh về thời điểm kết hôn, điều kiện kết hôn và thời gian chung sống như chị T trình bày là đúng. Do thời gian chung sống với nhau ngắn, sau đó anh phạm tội và bị Tòa án xét xử, tuyên phạt tù chung thân. Kể từ khi bị bắt và bị xét xử đến nay, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm được hơn 10 năm. Nay chị T xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Công N, sinh ngày 10/11/2006. Hiện con đang ở với chị T. Ly hôn, anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa: Chị T vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện và đã trình bày

Kết thúc phần tranh luận, đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và của các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX tuyên bố anh B và chị T không phải là vợ chồng. Giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tài sản, công nợ và các quan hệ khác phát sinh từ quan hệ hôn nhân giữa anh B, chị T đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Công B kết hôn với chị Mẫn Thị T vào tháng 5/2006 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Mặc dù, đến nay hai bên đương sự đều đồng ý ly hôn, nhưng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ chung sống giữa anh B, chị T không được pháp luật công nhận. Khi giải quyết ly theo yêu cầu của một bên, HĐXX tuyên bố anh Nguyễn Công B và chị Mẫn Thị T không phải là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh B, chị T sinh được 01 con chung là Nguyễn Công N, sinh ngày 10/11/2006. Hiện con đang ở với chị T. Khi giải quyết ly hôn, anh B, chị T đều đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Xét sự thỏa thuận giữa anh B và chị T là phù hợp với pháp luật và điều kiện thực tế của các bên, phù hợp với nguyện vọng của con nên được chấp nhận.

Về tài sản chung, công nợ, trích trả công sức: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T tự nguyện chịu án phí LHST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử: Tuyên bố anh Nguyễn Công B và chị Mẫn Thị T không phải là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Công N, sinh ngày 10/11/2006 cho chị Mẫn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Phí tổn nuôi con không xem xét giải quyết do các bên đương sự không yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung sau ly hôn, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức do các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Buộc chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0003610 ngày 20/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong. Chị T được khấu trừ vào tiền án phí mà chị phải nộp.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện
- Thi hành án
- Đương sự
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa